

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

1 Nhận dạng hóa chất

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên giao dịch** **Resin solution X 50**
- **Mã giao dịch:** 1234567890
- **Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**
Không có thêm thông tin có liên quan.
- **Hướng dẫn sử dụng** Vật liệu thô cho nhựa
- **Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**
- **Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**
Chemix GmbH
Chemixstrasse 2
5020 Salzburg
Tel.:0043/662/212223
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:** Product safety department.
- **Số điện thoại khẩn cấp:** 123 456 789

2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

- **Phân loại chất và hỗn hợp**



Chất lỏng dễ cháy 3 H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.



Repr. 2 H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.
STOT RE 2 H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.



Aquatic Chronic 2 H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.



Kích ứng da 2 H315 Gây kích ứng da.
Kích ứng mắt 2 A H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.
Skin Sens. 1 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhiễm độc cấp tính 5 H333 Có thể có hại nếu hít phải.

- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS

(Xem tiếp ở trang 2)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 1)

· Các hình biểu thị sự nguy hiểm



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

· Từ chỉ dấu hiệu Cảnh báo

· Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:

reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight \leq 700)
toluene

· Các hướng dẫn về các nguy hiểm

Chất lỏng và hơi dễ cháy.

Có thể có hại nếu hít phải.

Gây kích ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

· Các hướng dẫn an toàn

Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.

Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.

Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ vòi hoa sen

NẾU DÍNH MẮT: Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm.

Sau đó tiếp tục rửa

Nơi cất giữ được khóa lại

Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

· Các dấu hiệu nguy hiểm khác:

· Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results

· **PBT:** Không được áp dụng

· **vPvB:** Không được áp dụng

3 Thông tin về thành phần các chất

· **Mô tả tính chất hóa học:** Hỗn hợp

· **Mô tả** Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

· Các chất thành phần nguy hiểm:

25068-38-6	reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight \leq 700)	25 - 50%
	Aquatic Chronic 2, H411 Kích ứng da 2, H315; Kích ứng mắt 2 A, H319; Skin Sens. 1, H317	

(Xem tiếp ở trang 3)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

		(Xem tiếp ở trang 2)
108-88-3	toluene ⚠️ Chất lỏng dễ cháy 2, H225 ⚠️ Repr. 2, H361; STOT RE 2, H373 ⚠️ Kích ứng da 2, H315 ⚠️ Nhiễm độc cấp tính 5, H303	10 - 25%
141-78-6	ethyl acetate ⚠️ Chất lỏng dễ cháy 2, H225 ⚠️ Kích ứng mắt 2 A, H319 ⚠️ Nhiễm độc cấp tính 5, H333	10 - 25%
78-92-2	butanol ⚠️ Chất lỏng dễ cháy 3, H226 ⚠️ Kích ứng mắt 2 A, H319	2.5 - 10%
67-63-0	propan-2-ol ⚠️ Chất lỏng dễ cháy 2, H225 ⚠️ Kích ứng mắt 2 A, H319 ⚠️ Nhiễm độc cấp tính 5, H333	2.5 - 10%

• **Các hướng dẫn đính kèm:** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- **Mô tả về các biện pháp sơ cứu**
- **Hướng dẫn chung:**
 Ngay lập tức loại bỏ quần áo bị vấy bẩn bởi sản phẩm
 Triệu chứng nhiễm độc có thể xuất hiện sau một vài giờ, nên những quan sát ý tế cần phải được kéo dài ít nhất 48 giờ sau tai nạn.
- **Sau khi hít vào:**
 Cung cấp không khí trong lành và gọi bác sĩ
 Trong trường hợp người bệnh bất tỉnh giữ bệnh nhân ở vị trí nằm nghiêng và chuyển đi.
- **Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa ngay và thật sạch với nước và xà phòng
- **Sau khi tiếp xúc với mắt:**
 Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút, nếu không thấy đỡ thì phải gọi cho bác sĩ ngay
- **Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ
- **Thông tin dành cho bác sĩ:**
- **Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:**
 Không có thông tin liên quan nào khác
- **Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**
 Không có thêm thông tin liên quan

5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp**
 CO₂, bột hay phun bụi nước. Chữa đám cháy lớn hơn phải phun bụi nước hay bột ARC
- **Các biện pháp chữa cháy không thích hợp vì lý do an toàn:** Tia nước
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp**
 Có thể sinh ra khí độc khi đun nóng hay trong đám cháy
- **Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy**
- **Các thiết bị bảo vệ** Mặt nạ phòng độc

VN

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 3)

6 Thông tin về độc tính

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**
Sử dụng mặt nạ phòng độc
Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm
- **Các biện pháp bảo vệ môi trường**
Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào
Thông báo ngay cho nhà chức trách trong trường hợp ngấm vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào
Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm
- **Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**
Có thể ngấm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, diatomite, vữa axit, vữa thường, mùn cưa)
Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13
Đảm bảo thoáng khí
- **Liên hệ đến các phần khác**
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân
Xem phần 13 để biết thông tin về xả thải

7 Thông tin về sinh thái

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**
Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí
Mở và vận chuyển các bình chứa cẩn thận
Tránh hình thành aerosol
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy,**
Tránh xa nguồn cháy nổ. Không hút thuốc
Tránh tích điện
Luôn có sẵn thiết bị hỗ trợ hô hấp
- **Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích**
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Không có yêu cầu đặc biệt nào
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Đậy kín bình chứa
- **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

8 Biện pháp sơ cứu về y tế

- **Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật** Không có thêm dữ liệu; xem mục 7
- **Các thông số điều khiển**

- **Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc**

108-88-3 toluene

OEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 100 mg/m ³ Giá trị dài hạn: 50 mg/m ³
----------	--

141-78-6 ethyl acetate

OEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 300 mg/m ³ Giá trị dài hạn: 200 mg/m ³
----------	---

(Xem tiếp ở trang 5)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 4)

67-63-0 propan-2-ol

OEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 700 mg/m ³ Giá trị dài hạn: 350 mg/m ³
----------	---

- **Thông tin bổ sung** Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở
- **Kiểm soát các tình huống nguy hiểm**
- **Các thiết bị an toàn cá nhân**
- **Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể**
Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi
Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn
rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm
Đề riêng quần áo bảo hộ
Tránh tiếp xúc với mắt và da
- **Bảo vệ đường hô hấp:**
Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi
- **Bảo vệ tay**



Găng tay bảo hộ

Chất liệu làm găng phải chống thấm đối với sản phẩm/chất/chế phẩm
Do không thấy các cuộc thử nghiệm nên không có khuyến cáo về chất liệu làm găng tay cho sản phẩm/
chế phẩm/hỗn hợp hóa chất

Chọn chất liệu găng theo số lần và thời gian sử dụng

- **Chất liệu của găng tay**
Khi sản phẩm là một chế phẩm của một số chất, khả năng kháng độc của găng tay không thể tính toán trước được và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng
- **Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu**
Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được giám sát
- **Bảo vệ mắt Eye**



Kính bảo hộ dán kín

9 Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

- **Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản**
- **Thông tin tổng quát**
- **Diện mạo:**

Hình thức::	Chất lỏng
Màu:	Theo đặc tả của sản phẩm
- **Mùi:** Đặc điểm
- **Ngưỡng mùi:** Không xác định.
- **Độ pH:** Không xác định.
- **Thay đổi trong điều kiện**

Điểm tan / Phạm vi tan	Không xác định
Điểm sôi / Phạm vi sôi	77 - 78 °C

(Xem tiếp ở trang 6)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 5)

· Điểm bay hơi:	26°C
· Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không thể áp dụng.
· Nhiệt độ cháy:	390°C
· Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Tự cháy:	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· Nguy hiểm do cháy nổ:	Sản phẩm không nổ. Nhưng có khả năng hình thành khí, hỗn hợp hơi gây nổ.
· Giới hạn nổ:	
Dưới:	1.2Vol %
Trên:	12Vol %
· Áp lực hơi: tại 20°C:	97hPa
· Mật độ:	Không xác định.
· Mật độ tương đối:	Không xác định.
· Mật độ của hơi:	Không xác định.
· Tỉ lệ bay hơi:	Không xác định.
· Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:	
Nước:	Không thể hoặc khó trộn lẫn.
· Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
· Độ nhớt:	
Động	Không xác định.
Tĩnh	Không xác định.
· Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	66.0%
Nước:	4.0%
VOC (EC):	66.00 %
Thành phần chất rắn:	50.0%
· Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- **Phản ứng:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Sự ổn định hóa học:**
- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
- **Khả năng phản ứng nguy hiểm:** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.
- **Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

VN

(Xem tiếp ở trang 7)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 6)

11 Yêu cầu về cất giữ

- Thông tin về các hiệu ứng độc tính:
- Ngộ độc cấp tính:

- Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50

108-88-3 toluene

Miệng	LD50	5,000 mg/kg (rat)
Da	LD50	12,124 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	5,320 mg/l (mouse)

141-78-6 ethyl acetate

Miệng	LD50	5,620 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	1,600 mg/l (rat)

78-92-2 butanol

Miệng	LD50	6,480 mg/kg (rat)
-------	------	-------------------

67-63-0 propan-2-ol

Miệng	LD50	5,045 mg/kg (rat)
Da	LD50	12,800 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	30 mg/l (rat)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.
- **Trên mắt:** Tác dụng kích ứng.
- **Độ nhạy cảm** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.
- **Thông tin thêm về độc tính::**
Sản phẩm này chỉ ra những tác hại sau theo phương pháp tính toán của hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất:
Kích ứng
- **Hiệu ứng CMR (Gây ung thư, gây biến dị, sinh sản độc tính)**
Repr. 2

12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

- **Độc tính**
- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhậ dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Ảnh hưởng của sinh thái độc**
- **Ghi chú:** Độc hại cho cá.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**
Độc hại cho nước loại 2 (quy định của Đức) (Tự đánh giá): có hại cho nước.
Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải .
Độc hại với nước uống kể cả với số lượng nhỏ thấm vào đất.
Cũng độc hại cho cá và sinh vật phù du sống trong môi trường nước.
Độc hại cho các sinh vật sống dưới nước.
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**
- **PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.
- **vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.

(Xem tiếp ở trang 8)

Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50


· Các hiệu ứng bất lợi Không có thêm thông tin liên quan.

(Xem tiếp ở trang 7)

13 Yêu cầu trong việc thải bỏ

- Phương pháp xử lý chất thải
- Khuyến nghị
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- Bao bì bẩn
- Khuyến nghị: Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

14 Yêu cầu trong vận chuyển

<ul style="list-style-type: none"> · Mã LHQ (UN) · ADR, IMDG, IATA 	UN1993
<ul style="list-style-type: none"> · Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ · ADR · IMDG · IATA 	1993 FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ETHYL ACETATE, TOLUENE) FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ETHYL ACETATE, TOLUENE), MARINE POLLUTANT FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ETHYL ACETATE, TOLUENE)
<ul style="list-style-type: none"> · vận chuyển các lớp học nguy hiểm · ADR, IMDG, IATA 	
	
<ul style="list-style-type: none"> · lớp · nhãn 	3 Các chất lỏng dễ cháy. 3
<ul style="list-style-type: none"> · Nhóm bao bì · ADR, IMDG, IATA 	III
<ul style="list-style-type: none"> · Các môi trường nguy hiểm: 	Sản phẩm chứa chất độc hại với môi trường: reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight \leq 700)
<ul style="list-style-type: none"> · Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng: · Mã nguy hiểm: · Mã EMS: · Stowage Category 	Cảnh báo: Các chất lỏng dễ cháy. 30 F-E,S-E A
<ul style="list-style-type: none"> · Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II của MARPOL73/78 và mã IBC 	Không có khả năng ứng dụng.
<ul style="list-style-type: none"> · Vận chuyển/ Thông tin thêm: 	
<ul style="list-style-type: none"> · ADR · Số lượng giới hạn (LQ) 	5L

(Xem tiếp ở trang 9)

Phiếu An toàn hóa chất
Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 8)

· Excepted quantities (EQ)	Code: E1 Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml Maximum net quantity per outer packaging: 1000 ml
· Danh mục vận chuyển	3
· Mã hạn chế đường hầm	D/E
· IMDG	
· Limited quantities (LQ)	5L
· Excepted quantities (EQ)	Code: E1 Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml Maximum net quantity per outer packaging: 1000 ml
· Mẫu chuẩn của LHQ:	UN 1993 FLAMMABLE LIQUID, N.O.S. (ETHYL ACETATE, TOLUENE), 3, III

15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

- **An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp**

- **Kho hóa chất và chất hóa học của Philippin**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

- **Kho chất hóa học của Australia**

Tất cả các thành phần được liệt kê.

- **Lập kế hoạch cho thuốc và chất độc theo mẫu chuẩn**

108-88-3 | toluene

S6

- **Các yêu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

- **Từ chỉ dấu hiệu** Cảnh báo

- **Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**

reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight \leq 700)
toluene

- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**

Chất lỏng và hơi dễ cháy.

Có thể có hại nếu hít phải.

Gây kích ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

- **Các hướng dẫn an toàn**

Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.

(Xem tiếp ở trang 10)

Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2017.08.24

Số phiên bản 1.0

Sửa lại: 2017.08.23

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 9)

Sử dụng các thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.

Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ vòi hoa sen

NẾU DÍNH MẮT: Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm.

Sau đó tiếp tục rửa

Nơi cất giữ được khóa lại

Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

• **Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

16 Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

• **Cum từ liên quan**

H225 Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H303 Có thể có hại nếu nuốt phải.

H315 Gây kích ứng da.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

H333 Có thể có hại nếu hít phải.

H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi.

H373 Có thể có hại cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

• **Nơi phát hành bảng hướng dẫn an toàn hóa chất:** Product safety department.

• **Liên hệ:** Dr. Peter Mayer

• **Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

VOC: Volatile Organic Compounds (USA, EU)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Chất lỏng dễ cháy 2: Flammable liquids – Category 2

Chất lỏng dễ cháy 3: Flammable liquids – Category 3

Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity – Category 5

Kích ứng da 2: Skin corrosion/irritation – Category 2

Kích ứng mắt 2 A: Serious eye damage/eye irritation – Category 2A

Skin Sens. 1: Skin sensitisation – Category 1

Repr. 2: Reproductive toxicity – Category 2

STOT RE 2: Specific target organ toxicity (repeated exposure) – Category 2

Aquatic Chronic 2: Hazardous to the aquatic environment - long-term aquatic hazard – Category 2